

Bản án số: 37/2022/DS -ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan

Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-DS ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Mai C, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 31/50, đường Hồ Công Dự, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

Bị đơn: CT CP PT N&ĐTBG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà 9 tầng, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô Mai C trình bày: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/10/2015 đến ngày 27/7/2016 CT CP PT N&ĐTBG (sau đây gọi tắt là Công ty) đã 08 lần vay tiền của cá nhân bà với tổng số tiền là 2.720.000.000 đồng. Mỗi lần vay tiền Công ty đều lập khế nước nhận nợ vay và viết phiếu thu tiền giao lại cho bà. Cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 29/10/2015 Công ty vay của bà số tiền là 150.000.000 đồng.

- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 16/11/2015 Công ty vay của bà số tiền là 50.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 28/11/2015 Công ty vay của bà số tiền là 410.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 04/12/2015 Công ty vay của bà số tiền là 260.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 14/12/2015 Công ty vay của bà số tiền là 50.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 06/5/2016 Công ty vay của bà số tiền là 500.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 24/6/2016 Công ty vay của bà số tiền là 1.000.000.000 đồng.
- Khế ước nhận nợ vay và Phiếu thu ngày 27/6/2016 Công ty vay của bà số tiền là 300.000.000 đồng.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh khi có biến động lãi suất tiền vay của các Ngân hàng thương mại, tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích công ty vay tiền để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình.

Sau khi vay, Công ty đã không trả bà tiền gốc, lãi như thỏa thuận trong khế ước nhận nợ vay. Tính đến ngày 05/12/2021, Công ty mới trả được cho bà số tiền gốc là 1.220.000.000 đồng và tiền lãi đã trả được đến hết ngày 25/6/2017. Thời gian trả tiền gốc cụ thể như sau:

- Ngày 31/8/2016 trả 100.000.000 đồng
- Ngày 09/9/2016 trả 100.000.000 đồng
- Ngày 13/9/2016 trả 120.000.000 đồng
- Ngày 14/10/2016 trả 200.000.000 đồng
- Ngày 14/12/2016 trả 150.000.000 đồng
- Ngày 15/10/2017 trả 50.000.000 đồng
- Ngày 02/01/2018 trả 100.000.000 đồng
- Ngày 04/01/2018 trả 70.000.000 đồng
- Ngày 06/02/2018 trả 200.000.000 đồng
- Ngày 09/02/2020 trả 50.000.000 đồng
- Ngày 18/6/2020 trả 80.000.000 đồng

Công ty còn nợ bà số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 05/12/2021 là 884.826.700 đồng. Tổng cộng là 2.384.826.700 đồng

Bà đã nhiều lần đến Công ty yêu cầu trả số tiền gốc, lãi trên nhưng công ty không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải trả số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 884.826.700 đồng. Tổng cộng là 2.384.826.700 đồng, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, bị đơn là CT CP PT N&ĐTĐBG - Do ông Nguyễn Viết Thành là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Tháng 11/2016, ông Nguyễn Việt Thành là người mua lại phần nhà nước bán đấu giá phần vốn nhà nước 43,6% tại CT CP PT N&ĐTĐBG (sau đây gọi tắt là Công ty), tương đương 6,7 tỷ đồng nộp vào ngân sách nhà nước. Ông được Hội đồng quản trị bầu làm Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật của Công ty từ tháng 11/2016. Lúc này Công ty không còn tiền trả lương cán bộ và người lao động, nợ ngân hàng và nợ tiền huy động vốn vay cá nhân bên ngoài. Thực tế, Công ty đang nợ các tập thể và cá nhân trên 100 tỷ đồng. Lãnh đạo Công ty cho các đội và cá nhân vay để thi công công trình làm ăn thua lỗ, gây mất vốn nên không còn khả năng trả nợ Công ty. Toàn bộ hoạt động của Công ty từ năm 2008 đến năm 2018 do ông Vũ Xuân Chính - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm giải quyết các tồn tại về kinh tế, đi thu hồi công nợ để trả cho các đơn vị và cá nhân mà Công ty vay. Ông không nhận bàn giao tài chính của Hội đồng quản trị cũ Công ty, ông điều hành Công ty từ tháng 3/2018. Hội đồng quản trị Công ty cũ báo cáo về số tiền huy động vốn bên ngoài trên 16 tỷ đồng, trong đó có tiền huy động của bà Ngô Mai C. Bà C đã nhiều lần đến Công ty và đến nhà ông đòi tiền nhưng ông giải thích cho bà C ông mua vốn chủ sở hữu là UBND tỉnh, không mua nợ của Công ty, ông chưa nhận bàn giao tài chính công nợ của Hội đồng quản trị cũ, ông không có trách nhiệm phải trả nợ Công ty đã vay, trách nhiệm trả nợ là của ông Vũ Xuân Chính hiện đang làm giám đốc Công ty vì ông Chính là người ký vay tiền, phải đi thu hồi công nợ của các cá nhân và đơn vị đã vay Công ty để trả cho bà C. Sau đó bà C trình bày có khó khăn, đề nghị ông giúp đỡ nên ông đã trả nợ cho bà C được một khoản tiền, đây là tiền của cá nhân ông tạm ứng cho Công ty. Ông có giao cho ông Nguyễn Thanh Sơn cán bộ văn phòng trong ban thu hồi công nợ đi thu hồi công nợ của các đơn vị và cá nhân. Thực tế bà C có hoàn cảnh khó khăn nên ưu tiên bàn bạc giải quyết cùng bà C mua lại số nợ của bà C và trả bà C từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng trong vòng 02 tháng và hoàn thành nghĩa vụ trả bà C. Trường hợp không thỏa thuận được ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không không đến Tòa tham gia phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 13/7/2022, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày: Bà C đề nghị được tính lại số tiền lãi đối với Công ty nợ bà từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/12/2021, mức lãi suất 1%/ tháng, số tiền lãi là 867.223.366 đồng, không phải là số tiền lãi là 884.826.700 đồng như ban đầu khởi kiện, vì đây là tiền lãi Công ty đã tính cho bà theo lãi ngày. Do vậy bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 867.223.366 đồng. Tổng cộng là 2.367.223.370 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải

quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc CT CP PT N&ĐTĐBG trả cho bà Ngô Mai C tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 867.223.366 đồng. Tổng cộng là 2.367.223.370 đồng (Hai tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng.

[1.1]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Ngô Mai C khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi cho vay theo các khế ước nhận nợ vay do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận. Xác định quan hệ pháp luật đây là tranh chấp về giao dịch dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn: Căn cứ vào bản gốc các khế ước nhận nợ vay và phiếu thu các ngày 29 tháng 10 năm 2015, ngày 16 tháng 11 năm 2015, ngày 28 tháng 11 năm 2015, ngày 04 tháng 12 năm 2015, ngày 14 tháng 12 năm 2015, ngày 06 tháng 5 năm 2016, ngày 24 tháng 6 năm 2016 và ngày 27 tháng 7 năm 2016 do nguyên đơn cung cấp; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 28/10/2015 đến ngày 27/7/2016, bà Ngô Mai C đã cho Công ty vay tổng số tiền gốc 2.720.000.000 đồng; tính đến ngày 05/12/2021 Công ty còn nợ bà C số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng. Nay bà C khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền gốc 1.500.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 1.500.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

[2.2.1]. Trong các khế ước nhận nợ vay đều ghi thỏa thuận của các bên về thời hạn vay, lãi suất vay 1%/tháng, nên xác định khoản tiền bà C cho Công ty vay là khoản vay có kỳ hạn và có lãi.

[2.2.2]. Bà C cho Công ty vay số tiền gốc trong khoảng thời gian từ ngày 29/10/2015 đến ngày 27/7/2016. Bà C trình bày Công ty đã trả đủ tiền lãi đến ngày 25/6/2017 cho bà. Nay bà yêu cầu Công ty trả tiền lãi từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/12/2021. Bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu đòi tiền lãi của bà C và cũng không có ý kiến gì về việc đã trả tiền lãi. Do vậy có căn cứ xác định bị đơn đã trả tiền lãi cho bà C đến ngày 25/6/2017 và nợ tiền lãi từ ngày 26/6/2017. Nên bà C yêu cầu Công ty trả lãi trên số tiền gốc còn nợ từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/12/2021 cần được chấp nhận.

[2.2.3] Căn cứ khế ước nhận nợ vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất 1,0%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh khi có biến động lãi suất vay của các Ngân hàng thương mại. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng (tương ứng 12%/năm, 1%/30/ngày) trên số tiền gốc còn nợ tại từng thời điểm, thời gian từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/12/2021.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”

Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, yêu cầu trả tiền lãi của bà C (12%/năm, 1%/tháng, 1%/30/ngày) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/12/2021, số tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 26/6/2017 đến ngày 15/10/2017 là 03 tháng 20 ngày:

Số tiền lãi = $3 \times 1\% \times 2.050.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 20 \times 2.050.000.000 \text{ đồng} = 75.166.666 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 16/10/2017 đến ngày 02/01/2018 là 02 tháng 18 ngày:

Số tiền lãi = $2 \times 1\% \times 2.000.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 18 \times 2.000.000.000 \text{ đồng} = 52.000.000 \text{ đồng}$

- Từ ngày 03/01/2018 đến ngày 04/01/2018 là 02 ngày:

Số tiền lãi = $1\%/30 \times 2 \times 1.900.000.000 \text{ đồng} = 1.266.700 \text{ đồng}$

- Từ ngày 05/01/2018 đến ngày 06/02/2018 là 01 tháng 02 ngày:

Số tiền lãi = $1 \times 1\% \times 1.830.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 2 \times 1.830.000.000 \text{ đồng} = 19.520.000 \text{ đồng}$

- Từ ngày 07/02/2018 đến ngày 09/02/2020 là 02 năm 03 ngày

Số tiền lãi = $12\% \times 2 \times 1.630.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 3 \times 1.630.000.000 \text{ đồng} = 392.830.000 \text{ đồng}$

- Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 18/6/2020 là 04 tháng 09 ngày

Số tiền lãi = $1\% \times 4 \times 1.580.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 9 \times 1.580.000.000 \text{ đồng} = 67.940.000 \text{ đồng}$

- Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 05/12/2021 là 01 năm 05 tháng 07 ngày

Số tiền lãi = $12\% \times 1 \times 1.500.000.000 \text{ đồng} + 1\% \times 5 \times 1.500.000.000 \text{ đồng} + 1\%/30 \times 7 \times 1.500.000.000 \text{ đồng} = 258.500.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi = 75.166.666 đồng + 52.000.000 đồng + 1.266.700 đồng + 19.520.000 đồng + 392.830.000 đồng + 67.940.000 đồng + 258.500.000 đồng
= 867.223.366 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc CT CP PT N&ĐTĐBG trả cho bà Ngô Mai C 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 867.223.366 đồng tiền lãi. Tổng cộng 2.367.223.370 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

2. Về án phí: CT CP PT N&ĐTĐBG phải chịu 79.344.470 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- CCTHA-DS TP B;
- VKSND TP B;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tú